

Bản án số: 55/2023/DS-ST
Ngày: 31-3- 2023
V/v tranh chấp hợp đồng hội

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Tấn Tài

2. Ông Trịnh Văn Bé

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Yên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 462/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964;

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1990 (Có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 27/02/2023).

- Bị đơn: Bà Lăng Thị P, sinh năm 1972;

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

Bà Kiều Thị T2, sinh năm 1994 (Có mặt);

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 24/3/2023).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tự khai và biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1 trình bày, vào ngày 12/02/2020 bà Lăng Thị P có tham gia chơi hội do bà T làm chủ. Đây hội 5.000.000 đồng/tháng, hội gồm 24 hội viên, bà P hót lần đầu được số tiền là 90.000.000 đồng, bà P trả cho bà T 80.000.000 đồng còn lại 10.000.000 đồng bà P trực tiếp nhận từ bà T theo biên lai giao hội ngày 16/02/2020, có thể hiện bà P ký nhận tiền hội.

Sau khi hót hội bà P có châu hội được một thời gian thì ngưng không châu do bà nuôi heo bị dịch bệnh nên không thực hiện nghĩa vụ hội viên của 10 lần hội chết số tiền là 50.000.000đ, nhưng đã trả được 7.500.000đ còn nợ lại 42.500.000 đồng.

Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu bà P có trách nhiệm trả số tiền nợ hội là 42.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi phát sinh.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Kiều Thị T2 trình bày, do quen biết nên bà P có tham gia chơi hội do bà T làm chủ, cụ thể đây hội khui ngày 12/02/2020 đến nay đã mãn, hội 5.000.000 đồng/ tháng, gồm 24 hội viên, bà P hót hội lần đầu được số tiền 92.000.000 đồng, bà T trừ tiền hoa hồng còn lại 90.000.000 đồng và có ký nhận tiền hội theo biên lai giao hội ngày 16/02/2020. Tuy nhiên, bà T không giao tiền hội cho bà P mà khấu trừ 80.000.000 đồng vào tiền thức ăn chăn nuôi, còn 10.000.000 đồng tiền hội bà T không giao cho bà P. Sau khi hót hội, bà P đã châu hội chết được 18 lần thì ngưng, tổng số tiền châu được là 90.000.000 đồng, còn nợ lại 5 lần hội chết chưa châu là 25.000.000 đồng.

Vì vậy, bà P không đồng ý trả tiền cho bà T là 42.500.000 đồng, chỉ thừa nhận còn nợ bà T số tiền hội chết chưa châu là 25.000.000 đồng, bà yêu cầu khấu trừ 10.000.000 đồng tiền hội bà P đã hót hội mà bà T chưa giao cho bà P vào tiền nợ lại bà T 25.000.000 đồng tiền hội chết chưa châu còn lại 15.000.000 đồng, xin hẹn mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ nêu trên.

Ngày 20/02/2023 bà Lăng Thị P có đơn phản tố yêu cầu khấu trừ số tiền hội 10.000.000 đồng bà T chưa giao cho bà vào số tiền hội bà còn thiếu 25.000.000 đồng.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bà Nguyễn Thị T1 đại diện ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu.

Bà Kiều Thị T2 đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn giữ ý kiến và yêu cầu phản tố.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm,

bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Công nhận hợp đồng hui giữa bà Nguyễn Thị T và bà Lăng Thị P.

Buộc bà Lăng Thị P có nghĩa vụ trả bà Nguyễn Thị T số tiền 42.500.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lăng Thị P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu bà Lăng Thị P trả tiền hui còn thiếu. Bà P có nơi cư trú tại xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận giữa hai bên có xác lập hợp đồng hui, nên quan hệ tranh chấp là hợp đồng hui là có căn cứ theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 471 Bộ Luật dân sự năm 2015;

[2] Về nội dung vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; lời khai của các đương sự; Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào biên lai giao hui ngày 16/02/2020 và bị đơn thừa nhận có ký vào biên lai giao hui. Đồng thời, theo biên bản hòa giải ngày 08/4/2021 do bà T cung cấp, thì bà Lăng Thị P thống nhất còn nợ bà Nguyễn Thị T số tiền hui là 42.500.000 đồng, thể hiện hai bên có xác lập hợp đồng hui trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc, hình thức và nội dung của hợp đồng không vi phạm pháp luật hay trái đạo đức xã hội nên đây là hợp đồng hợp pháp, nên phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên.

[2.1]- Đối với số tiền hui, lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cho thấy, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà T đã cung cấp chứng cứ biên lai giao hui ngày 16/02/2020 có chữ ký của bà P. Bà P xác nhận có tham gia chơi hui và xác nhận ký nhận tiền hui từ bà T nhưng bà Thu không giao tiền cho bà P mà trừ vào tiền thức ăn chăn nuôi 80.000.000 đồng bà P thiếu, còn lại 10.000.000 đồng bà P trực tiếp nhận từ bà T theo biên lai giao hui và biên bản hòa giải ngày 08/4/2021 thể hiện bà P cũng thừa nhận còn nợ bà T số tiền hui chết chưa châu là 42.500.000 đồng. Phía bà P chỉ thừa nhận còn nợ bà T 25.000.000 đồng tiền hui chết nhưng không có chứng cứ chứng minh. Hội đồng xét xử xét thấy, bà P không có cơ sở chứng minh cho lời trình bày của mình mà chỉ trình bày số lần bà đã châu hui chết mà không có ai biết việc giao nhận tiền

hội này, bà T không thừa nhận việc nhận tiền châu hội chết và phía bà P cũng không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình. Nên việc bà T khởi kiện yêu cầu bà P trả số tiền hội 42.500.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Do bà T không yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.2]- Đối với việc bà P trình bày cho rằng bà đã châu được 18 lần là 90.000.000đ được thể hiện qua bản kê do bà tự viết và cũng không có ai biết việc châu hội chết của bà và bà không có cơ sở hay chứng cứ chứng minh cho việc châu hội chết này. Phía bà T cũng không thừa nhận số tiền này. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định của pháp luật, đương sự phải cung cấp chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, nhưng phía bà P không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, nên không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của bà P.

[3] Đối với đơn phản tố của bà P yêu cầu khấu trừ số tiền hội 10.000.000 đồng mà bà T giao thiếu cho bà vào số tiền bà T yêu cầu bà trả. Hội đồng xét xét thấy, bà T xác định bà P đã nhận số tiền hội 90.000.000 đồng và đã khấu trừ vào tiền mua thức ăn gia súc 80.000.000 đồng, còn lại 10.000.000 đồng bà giao lại cho bà P để trả tiền mặt mua thức ăn gia súc thể hiện qua biên nhận ngày 16/02/2020 mà bà P đã ký nhận. Phía bà P cho rằng không biết gì nên ký vào biên nhận là không có cơ sở, bởi bà là người có đủ năng lực dân sự nhận thức được hậu quả của việc ký tên trong biên nhận nợ và phải chịu trách nhiệm đối với số tiền đã ký nhận. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bà P cũng không đưa ra chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình, nên yêu cầu phản tố của bà P là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, đại diện theo ủy quyền của bà T không đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, số tiền hội này bà P thiếu đã lâu, nay lại kéo dài thời gian trả nợ làm thiệt hại đến quyền lợi của bà T, nên không chấp nhận yêu cầu này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Lăng Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí do không được chấp nhận yêu cầu phản tố theo quy định của pháp luật.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, Điều 200 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 357; Điều 471 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với bà Lăng Thị P.

Buộc bà Lăng Thị P có nghĩa vụ trả số tiền hạn là 42.500.000 đồng (Bốn mươi hai triệu, năm trăm nghìn đồng) cho bà Nguyễn Thị T.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lăng Thị P đối với bà Nguyễn Thị T yêu cầu trả 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lăng Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 2.126.000đ (Hai triệu, một trăm hai mươi sáu ngàn đồng) và án phí do không được chấp nhận yêu cầu phản tố 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) cộng chung là 2.626.000đ (Hai triệu, sáu trăm hai mươi sáu ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0013281 ngày 21/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, bà P còn phải nộp thêm 2.326.000đ (Hai triệu, ba trăm hai mươi sáu ngàn đồng).

Hoàn trả 1.063.000đ (Một triệu, không trăm sáu mươi ba ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị T theo biên lai thu số 0013107 ngày 22/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7A luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện
Chợ Mới;
- Các đương sự (để thi
hành);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XU' SƠ THÂM
THÂM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Đức

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA